

IELTS WRITING AND SPEAKING

ONLINE COURSE

IELTS SPEAKING PART 2

(Tài liệu do Ms Quỳnh và Đội ngũ chuyên môn IELTS Fighter

Biên soạn và tổng hợp)

TỔNG QUAN SPEAKING PART 2

Rất nhiều bạn cho rằng phần thi Speaking part 2 là phần khó nhất của bài thi nói bởi vì các bạn phải **độc thoại**. Bạn sẽ phải tự nói một bài ngắn và sẽ không có bất kỳ câu hỏi hay sự trợ giúp nào từ giám khảo.

Trong phần thi IELTS Speaking Part 2, giám khảo sẽ đưa cho bạn 1 **cue card** trong đó bao gồm **câu hỏi** và các câu hỏi nhỏ để **gợi ý** những gì bạn phải nói.

Bạn sẽ có 1 phút để chuẩn bị và **1-2 phút** để hoàn thành phần thi nói của mình.

Giám khảo sẽ đưa cho bạn một card như sau:

Speaking test part 2: candidate task card

Describe something you own which is very important to you.

You should say:

- where you got it from
- how long you have had it
- what you use it for; and
- explain why it is important to you.

You will have to talk about the topic for 1 to 2 minutes.

You have one minute to think about what you're going to say.

You can make some notes to help you if you wish.

Khi gặp phải những chủ đề không quen thuộc, các bạn sẽ rất dễ rơi vào tình trạng không có ý để nói và không biết phải nói cái gì bởi vì chúng ta không biết phải trả lời theo những câu hỏi gợi ý như thế nào.

CHIẾN LƯỢC TẬN DỤNG 1 PHÚT CHUẨN BỊ HIỆU QUẢ

Hãy nói về thứ bạn cảm thấy **thoải mái nhất** bởi bạn sẽ dễ đạt được điểm hơn. Nếu như bạn không cảm thấy quen khi trả lời các câu hỏi gợi ý thì hãy trả lời theo ý của mình. Khi nhận được cue card, bạn sẽ có khoảng **1 phút để chuẩn bị**.

Hãy viết vào tờ giấy đã được cho sẵn **5 tiêu đề** dưới đây để chuẩn bị bài nói của mình:

- Introduction
- Past
- Description
- Opinion
- Future

1. Introduction

Một mở bài mang tính “nghiêm túc” là điều không cần thiết. Bạn vẫn có thể đi thẳng vào câu trả lời bằng cách sử dụng các cấu trúc như: ***I would love to talk about... / I prefer talking about...because...***

Sau khi giới thiệu bài nói của mình các bạn cũng nên đưa một chút về **“background information”**.

2. Past

Trong phần này chúng ta sẽ trình bày thêm những kinh nghiệm, trải nghiệm, có thể là những gì chúng ta đã chứng kiến, v.v... có liên quan đến chủ đề của bài nói.

Để chuyển hướng bài nói về một sự kiện trong quá khứ một cách trôi chảy, các bạn có thể sử dụng các từ như **“anyhow”** hoặc một số cấu trúc thì quá khứ như:

- Quá khứ đơn (Verb -ed)
- Quá khứ tiếp diễn (was/ were + verb-ing)
- Quá khứ hoàn thành
- Could/Must/Should/Might/Must + Have+ Vp2
- Used to + verb
- Would + verb

3. Description

Bạn có thể bắt đầu bài nói của mình bằng câu: **“So let me tell you about (X) in a little more detail.”** Từ đó các bạn có thể bắt đầu thỏa thích “khoe khoang” khả năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp, ngữ đồng vị và thành ngữ. Các bạn nên nhớ, nhìn chung trong phần thi speaking, giám khảo chấm IELTS sẽ đánh giá tất cả các kỹ năng bao gồm: phát âm, ngữ pháp, từ

vững, khả năng trôi chảy, độ mạch lạc của bài nói. Tuy nhiên trong phần 2 này, có hai kỹ năng sẽ được tập trung chấm điểm nhiều nhất, đó chính là độ trôi chảy (fluency) và tính mạch lạc (coherence).

4. Opinion

Sau khi hoàn thành xong nội dung yêu cầu, bạn cũng có thể mở rộng câu trả lời của mình bằng cách nói: ***“If you ask me/In my view/I would say + (ý kiến về chủ đề được giao)”***

Ý kiến, quan điểm cũng có thể bao gồm cả **cảm xúc (feelings)** và **suy nghĩ (thoughts)**

5. Future

Bạn nên sử dụng ít nhất 3 thì trong bài nói để chứng tỏ bạn có khả năng sử dụng ngữ pháp linh hoạt. Để bàn về tương lai bạn có thể sử dụng cụm: ***‘With regards to the future....*** Kết hợp với một số cấu trúc thì tương lai như:

- + To be going to Infinitive
- + Will/Won't Verb infinitive
- + Tương lai hoàn thành: will have + past participle
- + Hiện tại tiếp diễn để nói về lịch cụ thể

CÁC CHỦ ĐỀ THƯỜNG GẶP

Theo cựu giám khảo IELTS nổi tiếng thầy Simon, chúng ta nên chuẩn bị ý tưởng cũng như các từ vựng liên quan đến các chủ đề sau:

1. Describe an object (a gift, something you use etc.)
2. Describe a person (someone you admire, a family member etc.)
3. Describe an event (a festival, celebration etc.)
4. Describe an activity (e.g. a hobby)
5. Describe a place (somewhere you visited, a holiday etc.)
6. Describe your favourite (book/film/advertisement/website)

Trong 1 phút chuẩn bị bài nói, hãy ưu tiên tập trung vào từ vựng chứ không phải ngữ pháp hoặc sự liên kết câu. Cố gắng ghi lại càng nhiều ý càng tốt. Nếu may mắn, bạn có thể sử dụng các ý mà bạn đã chuẩn bị sẵn ở nhà. Bạn cũng không cần phải sử dụng hết các gợi ý trong tờ đề thi, tuy nhiên những từ khóa này sẽ giúp các bạn xây dựng cấu trúc, thứ tự các ý hợp lý hơn. Mở rộng thêm các ý trong bài bằng việc điểm thêm các câu truyện cá nhân. Cách thức này cũng giúp các bạn không bị dư thời gian khi nói.

MIÊU TẢ CON NGƯỜI (DESCRIBE A PERSON)

1. Introduction: Who the person is

Hãy mở đầu phần trả lời bằng một trong hai mẫu câu sau đây

- Well then to start with I'd like to talk about...
- Right to begin with I'm going to tell you about...

Tiếp đó, em hãy chọn 1 trong 3 mẫu câu sau để giải thích ngắn gọn tại sao em lại ngưỡng mộ người đó.

(a) whom I deeply admire for...

(b) whom I have great admiration for...

(c) who is widely admired for...

Trong đó, (a) và (b) thích hợp dùng cho nhóm người quen; (c) thích hợp dùng để nói về nhóm người lạ như doanh nhân, ca sĩ, người nổi tiếng v.v...

Example: Describe a person you know a lot.

Hãy mô tả một người mà bạn biết rõ → Chủ đề thuộc nhóm người thân quen:

Well then to start with I'd like to talk about Michael, my best friend whom I have deeply admiration for his great intelligence.

2. Past: How you knew this person

- Nếu chủ đề thuộc nhóm người thân quen:

I remember really vividly that I first met him/ her...years ago at/ when

- Nếu topic rơi vào nhóm người lạ:

I remember really vividly that I first read about him/ her on the Internet ... years ago at/ when....

Example: Describe a businessman that you admire

I remember really vividly that I first read about him on the Internet about 2 years ago when I was at the second year of college.

3. Description: WHAT kind of person he/she is

Để trả lời cho cue “WHAT”, tốt nhất là chúng ta nên đi theo hướng **‘smart’/ thông minh** và **‘kind’/ tốt bụng**.

Giải thích rằng người đó rất “smart”/ thông minh, các bạn có thể sử dụng mẫu câu dưới đây:

And what I would just like to say that I think he’s really intellectually smart and quick-witted, possessing/ with a good sense of humor.

Giải thích rằng người đó rất “kind” / tốt bụng, các bạn có thể nói như sau:

Furthermore/ On top of that, he was well-known/ held in great regard by all in the community for his kind, considerate and generous nature.

Example: Describe an interesting person from another country

And what I would just like to say that I think he’s really intellectually smart, quick-witted, with a good sense of humor. Furthermore, he was held in great regard by all in the community for his kind, considerate and generous nature.

4. Opinion: WHY you admire this person

Với cue cuối cùng này, các bạn hãy lần lượt sử dụng ba mẫu câu sau đây

- Eventually, as regards the question why...
- what I have to mention here is that...
- I would like to explain that...
- I suppose I should really highlight the fact that...
- I learned a lot of important/ valuable/ useful lessons from him about (patience and perseverance)

- Whenever facing/ running into/ experiencing any difficulties and challenges at work/ in life, I would look to him/ her for inspiration and guidance (or) for quality (career) advice and encouragement.

- **Nhóm người quen:** Therefore/ That's why/ More importantly, I have great affection and a profound sense of respect/ a deep respect/ a huge amount of admiration and respect/ develop deep respect for the work he had done over the last decade/ for his achievements as a manager/ leader

- **Nhóm người lạ:** Therefore/ That's why/ More importantly, there is almost universal/ world-wide/ international respect for his abilities as a leader.

(*) Các bạn có thể thay leader bằng một danh từ khác sao cho phù hợp với topic nhé.